

- Luật sư Trần H và luật sư Ngô Thị nH, Công ty luật TNHH T, thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa; vắng mặt khi tuyên án.

- Ông Nguyễn P, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z. Có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm H, Phó Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H. Có mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z.

Người đại diện: Ông Bùi Văn T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Có mặt tại phiên tòa.

3.3. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Z.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh T - Phó Trưởng phòng. Có mặt.

3.4. Ông Vũ Văn X; Địa chỉ: Phòng Kinh tế hạ tầng huyện Z, Thị trấn Chi Nê, huyện Z, tỉnh H. Có mặt.

3.5. Ông Vũ Thiết A1 (Vũ Văn A1). Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, H. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A1: Bà Nguyễn Thị A. Có mặt.

Phiên tòa phúc thẩm có mặt :

Bà Lâm Thị K – Nguyên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Z, hiện nay là cán bộ Thanh tra Ủy ban nhân dân huyện Z.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Vợ chồng bà Nguyễn Thị A, ông Vũ Thiết A1 khai hoang sử dụng đất từ năm 1979 tại thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H, kê khai đăng ký được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSD) vào ngày 12/6/2001 với tổng diện tích 4.177m² (trong đó có 400m² đất ở và 3.777m² đất vườn).

Ngày 03/02/2000, Chính phủ có Quyết định số 18/QĐ-TTG đầu tư dự án đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1 từ năm 2000 đến 2003 và giao cho UBND các tỉnh, trong đó có tỉnh H thực hiện công tác giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là GPMB).

Ngày 10/12/2002, Ban giải phóng mặt bằng huyện Z có Biên bản kiểm kê tổng hợp đất đai, nhà cửa, các công trình xây dựng và cây cối hoa màu bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh - Giai đoạn 1, thể hiện sau khi

đo đạc kiểm kê với chủ hộ, hộ gia đình bà A, ông A1 có 1.008,1m² đất đang sử dụng thuộc phạm vi GPMB và ghi nhận các loại cây trồng trên đất GPMB.

Trong năm 2003 và đầu năm 2004, Ban GPMB huyện Z đã phối hợp cùng UBND xã công bố dự thảo niêm yết phương án bồi thường đất đai, tài sản cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi Dự án tại địa phương, để người dân có ý kiến và đã nhiều lần điều chỉnh phương án. Bà Nguyễn Thị A không nhất trí về số liệu diện tích đất thu hồi, tài sản trên đất và giá bồi thường được phê duyệt.

Ngày 18/6/2004, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 1091/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán đền bù GPMB công trình đường Hồ Chí Minh, đoạn qua thôn G và P, xã Y, huyện Z; kèm quyết định là bảng chi tiết các hộ dân được đền bù GPMB, trong đó hộ bà A được bồi thường, hỗ trợ đối với 1.008,1m² đất GPMB (gồm 400m² đất ở với giá 70.000đ/m², 608m² đất vườn **giá 4.700đ/m²**) số tiền là 36.817.450 đồng; tài sản hoa màu có trên đất được bồi thường, hỗ trợ là 16.283.168 đồng; tổng cộng 53.100.618 đồng.

Ngày 08/01/2005, bà Nguyễn Thị A có đơn khiếu nại đề nghị xem xét: Bà A không nhất trí giá đền bù cây na và cây dâu; đề nghị đo xác định rõ mốc giới phân đất thu hồi giải tỏa về diện tích; điều chỉnh giá đất trị đền bù đất đã có sổ đỏ: xác định đúng hạng đất, loại đất, vị trí đất của gia đình bà gần kề đường Quốc lộ XX nên không thể tính giá theo loại đất vùng sâu; đất vườn cùng trong sổ đỏ tính giá trị đền bù bằng 50% đất ở; tất cả loại đất trên theo khung giá đất của Quyết định số 21/2003/QĐ-UB ngày 30/7/2003 của UBND tỉnh H; đất bị thu hồi đều được nhân hệ số k đảm bảo sinh lợi và trượt giá theo kịp giá thuê đất của địa phương hàng năm; liên hệ áp dụng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ đền bù thiệt hại cho hộ có đất thu hồi làm đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1 theo Điều 8 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ. Ban GPMB chưa tính đền bù 55m ống nhựa, 10m² dứa ăn quả, 02 cây bách tán, 46,2m² tường rào xây (BL 314).

Tại Biên bản làm việc về việc phúc tra bổ sung tài sản thiếu ngày 18/01/2005, của Hội đồng GPMB và chính quyền địa phương tiến hành làm việc với hộ gia đình bà A, có nội dung: Ghi nhận số tài sản còn thiếu của chủ hộ cần bổ sung phương án phê duyệt tiếp cho chủ hộ gồm: 16 cây đu đủ (loại C) và 01 cây bưởi lai (loại C) (không có chữ ký của chủ hộ) (BL 95).

Tại Biên bản làm việc về việc xác định cọc lộ giới đường Hồ Chí Minh ngày 18/01/2005, Trung tâm kỹ thuật đo đạc tỉnh H và chính quyền địa phương tiến hành làm việc với ông A1 và bà A, có nội dung: Đoàn làm việc đã tiến hành xác định vị trí cọc mốc lộ giới nằm trong vườn của hộ ông A1 trên bản đồ quy hoạch đường Hồ Chí Minh số 6, thửa 37 và cắm mốc ngoài thực địa, có sự chứng kiến và nhất trí cao của gia đình ông A1, về diện tích đã đo đạc lên

phương án đền bù: 1.008,1m² gia đình hoàn toàn nhất trí. Đề nghị Hội đồng GPMB lên phương án đền bù theo kết quả đo đạc là 1.008,1m² hết phạm vi cọc mốc lộ giới theo phương án đền bù đã được phê duyệt; ông Cường và bà A đều ký biên bản (BL 910).

Ngày 05/4/2005, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 119/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà A, không chấp nhận một số nội dung khiếu nại (giá cây na tính theo giá cũ là 5000đ x hệ số 3= 15.000đ; giá cây dâu tính giá hạng cây công nghiệp; diện tích đất thu hồi được bồi thường theo giá mới; bồi thường tường bao theo mét vuông; diện tích đất thu hồi được nhân với hệ số k; tất cả các loại đất đều phải tính theo khung giá của tỉnh tại Quyết định số 21/2003/QĐ-UB ngày 30/7/2003 của UBND tỉnh H); công nhận nội dung khiếu nại (việc kiểm đếm còn thiếu 55m ống nước, 16 cây đu đủ, 01 cây bưởi), đề nghị UBND tỉnh H duyệt bổ sung dự toán đền bù cho bà A.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 119/QĐ-UB, bà A tiếp tục khiếu nại.

Từ ngày 07/5/2005 đến 17/5/2005, UBND huyện Z đã tiến hành bàn giao đất thuộc phạm vi GPMB đã được các hộ dân trên địa bàn bàn giao mặt bằng thi công đường theo tiến độ; đối với hộ gia đình bà A không tự nguyện bàn giao nên đã tổ chức cưỡng chế thu hồi đất GPMB bàn giao cho Ban quản lý dự án.

Ngày 10/10/2005, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2010/QĐ-UBND trả lời bà A, thừa nhận khiếu nại việc kiểm kê còn thiếu và giao UBND huyện Z chỉ đạo Hội đồng đền bù GPMB lập phương án đền bù bổ sung (55m ống nước, 16 cây đu đủ, 01 cây bưởi); không thừa nhận các nội dung khiếu nại khác của bà A (tính giá cây na, cây dâu; đền bù tường bao tính theo m²; bồi thường đất theo giá tại Quyết định số 43/QĐ-UB ngày 20/12/2004 và tính hệ số k để đền bù cho đất ở; đền bù toàn bộ diện tích đất bị thu hồi theo 1 loại giá).

Ngày 31/12/2005, UBND huyện Z ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.008,1 m² đất (đất ở 400m², đất vườn 608,1m²) thửa số 37, tờ số 06 của hộ bà Nguyễn Thị A tại thôn X xã Y.

Bà Nguyễn Thị A khiếu nại nội dung: Làm rõ chữ ký giả danh bà A đưa vào phương án đền bù ép dân nhận tiền; tìm 06 chữ ký trong bản gốc hồ sơ đền bù hộ bà A. Hội đồng GPMB thu hồi đất không lập biên bản, xóa hiện trường, còn thiếu 100 m² đất không đưa vào phương án đền bù.

Ngày 07/8/2006, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 218/QĐ-UBND đối với bà A, nội dung: Không thừa nhận khiếu nại của bà A về chữ ký giả danh và chữ ký sống trong biên bản kiểm kê

tổng hợp. Về nội dung khiếu nại thu hồi đất của bà A còn thiếu 100m² đất là có cơ sở. Giao cho hội đồng GPMB xác minh lại diện tích đất bị thu hồi.

Bà A khiếu nại không nhất trí Quyết định số 218/QĐ-UBND.

Ngày 01/11/2006, UBND huyện Z ban hành Quyết định số 127/QĐ-UBND về việc thu hồi chi tiết diện tích đất các loại của các hộ gia đình cá nhân đang sử dụng tại xã Y. Trong đó hộ gia đình bà A bị thu hồi diện tích 1.008,1 m² đất (đất ở 400 m², đất vườn 608,1 m²) thửa số 37, tờ bản đồ 06.

Tại Biên bản làm việc ngày 22/11/2006, của Tổ công tác hiện trường giải quyết những tồn tại vướng mắc trong công tác GPMB và gia đình bà A, về nội dung khiếu nại của bà A cho rằng diện tích đất thu hồi còn thiếu: Qua kiểm tra thực tế tại hiện trường xác định thửa số 37, tờ bản đồ số 6 tỷ lệ 1/1000 có tổng diện tích 5.269,9m², diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án là 1.008,1 m². Qua đo đạc còn thiếu 118,8m². Vậy hiện diện tích bị thu hồi giai đoạn 1 là 1.126,9m². Đại diện chủ hộ là bà A có ý kiến bảo lưu của gia đình: Hôm nay ngày 22/11/2006 tôi là chủ hộ đã được đoàn đo đạc chính thức; lần đầu tiên tôi ký, đồng ý số diện tích bị thu hồi vĩnh viễn 1.126,9m² như trong biên bản và chưa ký vào sổ đo đạc.

Ngày 12/12/2006, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 3351/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình xây dựng đường Hồ Chí Minh, đoạn đi qua huyện Z, hỗ trợ bổ sung 30% giá đất ở đối với vườn liền kề đất ở cho các hộ gia đình, trong đó gia đình bà A được bổ sung 608,1m² đất x 16.690đ/m²=10.088.379 đồng.

Ngày 02/2/2007, UBND huyện Z làm việc với bà A, bà A đề nghị xem xét diện tích đất thu hồi còn thiếu 118,8m², tổng thể thu hồi là 1.126,9m²; đề nghị hủy Công văn số 05 CV/TTKTTNMT ngày 23/11/2007 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 27/3/2007, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 641/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà A: Không thừa nhận khiếu nại của bà A về đề nghị làm rõ việc giả mạo chữ ký của bà A để đưa vào phương án đền bù sai, ép bà nhận tiền đền bù.

Tại Biên bản kiểm tra thực tế tại hiện trường ngày 24/4/2007, giữa đoàn Thanh tra và bà A tiến hành đo đạc thực tế, xác định vị trí đất của gia đình bà A so với đường XX, cụ thể:

Điểm đầu tiên về phía Nam, có khoảng cách tính từ tim đường XX đến đất ở là 38,2m.

Điểm thứ 2 tính từ tim đường XX vào đất ở (theo đường đi vào nhà) có chiều dài 42,6m. Con đường đi vào nhà có chiều rộng 2m, được đắp vào thàng

6/1979. Đến năm 1996, gia đình có đơn xin nâng cấp mở rộng thêm 2m; hiện tại bề rộng mặt đường là 04m. Bà A có ý kiến đề nghị cho nhận 01 bản này về việc đo xác định vị trí là trung thực; xác nhận ngày 24/4/2007 gia đình mới được cán bộ đến xác định vị trí đất ở.

Ngày 25/9/2007, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định số 488/QĐ-UBND trả lời khiếu nại của bà A, thừa nhận khiếu nại của bà A về tài sản, hoa màu của gia đình bị thiệt hại, ngập úng do ảnh hưởng xây dựng đường Hồ Chí Minh và lắp cống đường XXA là có cơ sở; không thừa nhận các nội dung khiếu nại khác: Diện tích đất ở đã thu hồi làm đường HCM; vị trí, phân loại đường phố; hồ sơ phương án đền bù, chữ ký giả mạo; tài sản đất đai hoa màu.

Ngày 10/10/2007, bà A khiếu nại Quyết định số 488/QĐ-UBND, có nội dung: Đề nghị được công nhận đường (ngõ) đi từ Quốc lộ XX vào thửa đất hộ gia đình bà đang sử dụng là quyền sử dụng riêng. Diện tích đất của bà bị thu hồi còn thiếu so với diện tích thực tế mà gia đình đang sử dụng.

Ngày 08/6/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H ban hành Quyết định số 1026/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà A, không chấp nhận 2 nội dung khiếu nại của bà A (đề nghị được công nhận đường (ngõ) đi từ Quốc lộ XX vào thửa đất hộ bà A đang sử dụng là quyền sử dụng riêng; diện tích đất của bà A bị Nhà nước thu hồi còn thiếu so với diện tích mà hộ bà A đang sử dụng).

Ngày 05/7/2009, bà Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H.

Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A có nội dung yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1026/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh H do giải quyết không đúng, không đầy đủ các khiếu nại của bà, vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại,... Về nội dung khiếu nại, bà A cho rằng từ năm 2002 đến 2004, Ban GPMB huyện lập khống hồ sơ bồi thường, không thực hiện đúng trình tự thủ tục, không đo đạc kiểm đếm nên bồi thường thiếu diện tích, thiếu tài sản trên đất thực tế đã thu hồi; không xác định đúng vị trí đất để xác định giá bồi thường và áp dụng giá không theo Nghị định số 197/2004/NĐ-CP mặc dù thu hồi đất sau thời điểm Nghị định có hiệu lực; yêu cầu UBND lập lại phương án bồi thường áp giá bồi thường đúng quy định đối với đất đai, tài sản của gia đình đối với toàn bộ đất ở thu hồi thực tế 1.172,5m² (diện tích đã được xác định tại Quyết định số 218/QĐ-UBND của UBND huyện Z) theo giá đất ở quy định của tỉnh H ban hành khung giá đất kèm Quyết định số 37/2014, với lý do UBND chậm ban hành và bồi thường thiệt hại tài sản (cây cối hoa màu bị ngập úng hỏng gồm 400m² khoai sọ sắp cho thu hoạch, 100 cây na

đang có quả,...) do thi công đường gây ra; yêu cầu xử lý hành vi hành chính của 32 cá nhân đã gây ra đối với hộ gia đình bà.

Ngày 11/9/2009, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 1785/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung dự toán bồi thường cho các hộ dân bị ảnh hưởng GPMB xây dựng đường HCM đoạn qua huyện Z, trong đó hộ bà A được bồi thường bổ sung 3.204.460 đồng (chênh lệch đơn giá bồi thường 457,78m² trồng cây na sắp cho thu hoạch). Tổng số tiền hộ bà A được bồi thường, hỗ trợ tại các quyết định của UBND tỉnh H liên quan đến đất đai, tài sản đã GPMB của hộ gia đình là 66.393.460 đồng.

Theo người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh H có ý kiến như sau:

- Về thời hiệu: Căn cứ Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, bà Nguyễn Thị A khởi kiện Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của UBND tỉnh H đã hết thời hiệu.

- Về giải quyết khiếu nại: Từ khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình làm đường HCM gia đình bà A đã có nhiều đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác bồi thường, đã được UBND tỉnh, UBND huyện tập trung giải quyết các nội dung khiếu nại nhiều lần nhưng bà A không đồng ý. Để giải quyết khiếu nại của bà A bảo đảm đúng quy định, tránh lặp lại những nội dung đã giải quyết, UBND tỉnh H đã giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H xem xét đơn khiếu nại ngày 18/10/2007 của bà A. Chủ tịch UBND tỉnh H đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND huyện Z thành lập đoàn thẩm tra, xác minh nội dung liên quan đến khiếu nại của bà A, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (Văn bản số 2094/UBND ngày 05/11/2007). Qua rà soát Thanh tra tỉnh xác định bà A khiếu nại có 4 nội dung liên quan đến bồi thường GPMB đường HCM và rà soát lại các nội dung Chủ tịch UBND tỉnh đã trả lời trước đây, cụ thể là:

1. Đất ở kiểm đếm còn thiếu: Chưa giải quyết nên giải quyết trả lời.
2. Xác định vị trí, phân loại đường phố để áp giá đền bù theo quy định: Đã được giải quyết tại Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 10/10/2005;
3. Hủy hồ sơ phương án đền bù lập sai, chữ ký pho to giả mạo; tài sản đều sai thực tế: Đã được giải quyết tại Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 27/3/2007;
4. Có thiệt hại do thi công đường gây ra (bị ngập úng do lấp công): Đã được nêu tại Quyết định số 488/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện ngày 25/9/2007, nên Chủ tịch UBND tỉnh không xem xét.

Đơn khiếu nại bổ sung nội dung khiếu nại mới (đề nghị công nhận quyền sử dụng đất riêng lối đi vào thửa đất): Khiếu nại mới nên Chủ tịch UBND tỉnh trả lời về nội dung.

Căn cứ Báo cáo số 276/BC-STNMT ngày 12/9/2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H, Chủ tịch UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 về việc giải quyết khiếu nại của bà A (lần 2).

Bà A không nhất trí, tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Thanh tra Chính phủ và trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước. Thực hiện Kế hoạch số 1130/KH-TTCT ngày 10/5/2012 và Kế hoạch số 2100/KH-TTCT ngày 19/9/2013 của Thanh tra Chính phủ về kiểm tra, rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài. Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo, kiểm tra, rà soát tổng hợp báo cáo các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh H, trong đó có vụ việc khiếu nại của bà A. Đoàn công tác của Thanh tra Chính phủ đã kiểm tra hồ sơ vụ việc và nhất trí với kết quả giải quyết của tỉnh H.

- Về 4 nội dung khiếu nại của bà A, quan điểm của UBND tỉnh như sau:

Phương án bồi thường cho hộ gia đình bà A đã được phê duyệt trước ngày Nghị định số 197/2004/NĐ-CP có hiệu lực thi hành nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Nghị định. Ngoài ra, tại Kết luận số 2768/KL-TTCT ngày 26/12/2006 của Thanh tra Chính phủ cũng nêu không áp giá mới tại Quyết định số 43/QĐ-UB của UBND tỉnh H mà theo mức giá đã thực hiện;

Vị trí đất của hộ gia đình bà A cách xa và không tiếp giáp với đường Quốc lộ 21 nên chỉ được tính hệ số $K=1$ giá đất ở $70.000\text{đ}/\text{m}^2$ theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 08/10/2003 của UBND huyện Z. Bà A yêu cầu bồi thường toàn bộ đất thu hồi là đất ở, là không phù hợp quy định.

Về yêu cầu hủy hồ sơ phương án kiểm kê, đền bù: Tại biên bản ngày 29/4/2008, Ban GPMB đã thừa nhận có thiếu sót chưa kiểm đếm hết tài sản cho hộ bà A chứ không phải là làm sai; Biên bản kiểm đếm tổng hợp ngày 10/12/2002 bà A chỉ ký xác nhận sau đó cán bộ photo lại chứ không giả mạo chữ ký.

Về việc thiếu diện tích đất thu hồi: Tại Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 07/8/2006 của Chủ tịch UBND huyện Z có nêu khiếu nại của bà A về việc thiếu đất là có cơ sở và giao cho các ban ngành liên quan xem xét lại diện tích đất bị thiếu.

Sau đó, các ban ngành UBND huyện Z đã mời Trung tâm đo đạc kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H là đơn vị

đo đạc cùng kiểm tra hiện trạng và các thành viên cùng với hộ bà A đã ký công nhận diện tích thu hồi 1.008,1m² là đúng; nhưng sau đó bà A tiếp tục khiếu nại. Ngày 05/8/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức kiểm tra đo đạc cùng với các cơ quan UBND huyện nhưng bà A không phối hợp.

Như vậy, nội dung khiếu nại của bà A đã được các cấp có thẩm quyền của tỉnh xem xét, giải quyết theo đúng trình tự quy định của Luật khiếu nại và Luật đất đai 2003, Quyết định số 18/2000/TTG ngày 03/2/2000 của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư xây dựng đường HCM giai đoạn 1; Quyết định số 926/QĐ-BGTVT ngày 20/4/2000 phê duyệt kế hoạch phương án và chính sách GPMB dự án đầu tư xây dựng đường HCM; Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng; Thông tư 145/1998/TT-BTC ngày 04/11/1998 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 22/1998/NĐ-CP và Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND tỉnh H giữ nguyên quan điểm, nội dung giải quyết tại Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009; đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

Theo người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Z trình bày: Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị A, xác định đã ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại của bà A và UBND huyện Z đã ban hành quyết định thu hồi đất, là đúng quy định.

Theo ông Vũ Văn X trình bày: Năm 2002, ông là Phó Chủ tịch Hội đồng GPMB huyện Z. Trên cơ sở bản kiểm kê về khối lượng đất đai tài sản tổ công tác xác định tại hiện trường có chữ ký của bà A, Hội đồng GPMB lập phương án đền bù lập nhưng bà không ký. Do yêu cầu tiến độ dự án nên Hội đồng GPMB vẫn trình UBND tỉnh phê duyệt phương án cho hộ bà A. Tổng kinh phí gia đình được bồi thường, hỗ trợ là 66.393.460 đồng, gia đình không nhận nên số tiền này hiện đang được gửi tại tài khoản tạm gửi ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Z.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 16/4/2018, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị A yêu cầu giải quyết hành vi hành chính của 32 cá nhân là người bị kiện, 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2017.

Chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị A: Yêu cầu hủy Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/06/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H. Buộc người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/4/2018, bà Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 09/2019/HC-PT ngày 18/01/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử lại.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý sơ thẩm lại, bà Nguyễn Thị A bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị:

Công nhận gia đình thiếu 164,4m² đất ở thực tế đã bị thu hồi (tổng là 1.172,5 m², so với 1.008,1m² đã phê duyệt);

Xác định đúng vị trí đất ở của hộ gia đình đã bị thu hồi thuộc vị trí 1, khu vực 1 xã Y và theo điểm 5 và 5.1 Thông tư số 116/2004-TT/BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP được đền bù 1 loại giá đất (đất ở) và áp giá đất năm 2019 theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh H, áp dụng theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND tỉnh H ngày 28/12/2018 về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh H năm 2019, được nhân hệ số 1,3 cho vị trí 1, khu vực 1 đối với đất thu hồi của hộ; hủy hồ sơ Biên bản kiểm đếm ngày 10/12/2002 của Hội đồng GPMB huyện Z do giả mạo chữ ký;

Yêu cầu được đền bù tài sản, cây cối, hoa màu bị thiệt hại do ngập úng khi thi công đường Hồ Chí Minh: 400m² khoai sọ sắp cho thu hoạch bị hỏng; 100 cây na đang có quả do ngập úng kéo dài bị rụng lá và chết; 28 cây đu đủ có quả bị thối gốc.

Đề nghị hủy Quyết định số 1026/QĐ-UBND và các quyết định có liên quan. Hủy biên bản kiểm đếm, đất đai tài sản hộ bà A ngày 10/12/2002 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Z.

Kiện hành vi hành chính của 33 cán bộ của tỉnh, huyện, xã; 07 cá nhân có liên quan đến việc thực hiện đến việc bồi thường thu hồi đất của gia đình bà.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 24/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh H, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 3; Điều 30; Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ khoản 1 Điều 38, Điều 87 Luật Đất đai năm 2003, Điều 45, Điều 130 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; điểm a, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị A:

Hủy Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/06/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H.

Hủy các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh H có liên quan đến Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H như sau:

- Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 18/06/2004;
- Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 10/10/2005;
- Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 27/3/2007;

Hủy các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Z có liên quan đến Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H như sau:

- Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 05/4/2005;
- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 07/8/2006;
- Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 25/9/2007;

Hủy một phần các quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân tỉnh H có liên quan đến hộ bà Nguyễn Thị A.

- Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 18/06/2004;
- Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 12/12/2006;
- Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 11/9/2009.

Hủy một phần các quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện Z có liên quan đến hộ bà Nguyễn Thị A:

- Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 31/12/2005;
- Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 01/11/2006 (thay thế quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 31/12/2005).

- Hủy biên bản kiểm đếm, đất đai tài sản hộ bà Nguyễn Thị A ngày 10/12/2002 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Z.

Buộc người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/11/2019, bà Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm (nội dung đã giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà) và giải quyết xử lý đối với 33 cán bộ và người liên quan đã có hành vi hành chính gây thiệt hại cho hộ gia đình bà trong quá trình

bồi thường, cưỡng chế; đồng thời đề nghị được bồi thường thiệt hại 16 năm đi khiếu kiện.

Ngày 11/11/2019, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 30/11/2021, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 2816/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung tại Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị A, nội dung:

“Điều 1: Bổ sung nội dung đơn của bà Nguyễn Thị A tại trang 1, Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A, trú tại thôn X, xã Y, huyện Z như sau:

“- Đề nghị xác định vị trí, phân loại đường phố đối với đất của gia đình Bà theo đúng quy định;

- Đề nghị hủy hồ sơ phương án đền bù lập sai, chữ ký phô tô giả mạo. Tài sản đất đai hoa màu, vị trí đều sai với thực tế”.

1. Bổ sung Điều 1 (trang 4), Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 với nội dung:

- Không thừa nhận nội dung khiếu nại: *“đề nghị xác định vị trí, phân loại đường phố đối với đất của gia đình bà đúng theo quy định”.*

- Không xem xét giải quyết nội dung khiếu nại: *“đề nghị hủy hồ sơ phương án đền bù lập sai, chữ ký phô tô giả mạo, tài sản đất đai hoa màu, vị trí đều sai so với thực tế”.* Lý do: Nội dung này đã được giải quyết tại Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 27/3/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị A, trú tại thôn X, xã Y, huyện Z.

1. Hủy bỏ nội dung thuộc mục 1 (trang 2) về nội dung khiếu nại đề nghị được công nhận đường đi (ngõ) từ Quốc lộ XX vào thửa đất hộ bà Nguyễn Thị A đang sử dụng là quyền sử dụng riêng và nội dung gạch đầu dòng (dấu “-”) thứ nhất thuộc Điều 1 (trang 4), Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Nguyễn Thị A trú tại thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H:

“- Đề nghị được công nhận đường (ngõ) đi từ Quốc lộ XX vào thửa đất gia đình bà đang sử dụng là quyền sử dụng riêng”.

Lý do của việc hủy bỏ:

Căn cứ quy định của Luật Khiếu nại nội dung nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh H.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Các nội dung khác tại Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 không nêu tại Quyết định này vẫn giữ nguyên.

Giao Ủy ban nhân dân huyện Z gửi Quyết định này đến bà Nguyễn Thị A”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị A giữ nguyên kháng cáo. Xác nhận đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 nhưng bà A không nhận và đề nghị Tòa án cấp cao xem xét đúng quy định của pháp luật. Bà cũng không nhất trí với đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh H (do luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh H nêu tại phiên tòa phúc thẩm) về việc bổ sung phương án bồi thường đối với các tài sản của hộ gia đình đã kiểm đếm thiếu (hỗ trợ di chuyển đường ống tưới nước 55m, diện tích trồng cây dừa cho thu hoạch,...). Bà A nhất trí với bản án sơ thẩm đã giải quyết chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà; xác nhận trên thực tế đo đạc đất hộ gia đình thực tế sử dụng nhiều hơn diện tích ghi trong GCNQSDĐ; xác nhận hộ gia đình chỉ có duy nhất 1 phần đất đã thu hồi GPMB nay bà đang khiếu kiện và sau khi đã bị thu hồi đất GPMB làm đường, vợ chồng bà đã tách thửa cho 2 con trai, phần còn lại vợ chồng bà đang sử dụng hiện cũng chưa được UBND xác định đúng diện tích cũng như đúng loại đất (toàn bộ thửa đất là đất ở) theo quy định của Luật đất đai.

Luật sư Nguyễn Ngọc Khiêm trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị A, xác định do Hội đồng GPMB đã không thực hiện đúng quy định, lập không hồ sơ nên xác định thiếu đất, thiếu tài sản của hộ gia đình bà A; Chủ tịch UBND huyện Z và Chủ tịch UBND tỉnh H không giải quyết đúng và đầy đủ các khiếu nại của bà A. Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy các quyết định hành chính và hủy Biên bản kiểm đếm ngày 10/12/2002 để thực hiện thu hồi và bồi thường lại bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ gia đình, là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật. Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị A về việc xử lý các hành vi vi phạm của người có thẩm quyền đã gây thiệt hại cho gia đình bà khi thi hành công vụ và bồi thường thiệt hại theo quy định cho gia đình.

Luật sư Trần H trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện với nội dung:

- Ngày 30/11/2021, Chủ tịch UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định số 2816/QĐ-UBND khắc phục phần Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 giải quyết không đúng thẩm quyền (khiếu nại về ngõ đi riêng);

- Đối với tài sản còn thiếu đã được giải quyết khiếu nại nhưng chưa phê duyệt bổ sung là do hộ bà A không đồng ý. Nay UBND tỉnh H có bảng tính tổng

giá trị tài sản còn thiếu (hỗ trợ di chuyển 55m đường ống nước; cây bách tán: 02 cây; dừa thường: 10m²; đu đủ: 16 cây; bưởi lai 2 cây = 4,52m²) với giá theo Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND tỉnh H, tổng trị giá 3.686.620 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về các nội dung khiếu kiện khác của bà A liên quan đến thu hồi đất và bồi thường tài sản, đất đai: UBND tỉnh H đã ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ bà A theo quy định và Chủ tịch UBND tỉnh đã giải quyết đầy đủ khiếu nại của bà A. Cụ thể: Biên bản kiểm đếm ngày 10/12/2002 của Hội đồng GPMB huyện Z: Quá trình giải quyết khiếu nại đã làm rõ, Hội đồng đền bù GPMB cũng đã thừa nhận sai sót do điều kiện hoàn cảnh đối với tất cả các hộ nói chung (trong đó có hộ bà Ty) chỉ lập 01 biên bản kiểm kê tổng hợp có chữ ký chủ hộ và sau đó photo lại cho đủ. Bản án sơ thẩm hủy Biên bản kiểm đếm là không có cơ sở.

- Về diện tích đất đã GPMB của hộ gia đình: Do Chủ tịch UBND huyện Z giải quyết khiếu nại (Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 07/8/2006) xác định khiếu nại của bà A còn thiếu 100m² là có cơ sở nên giao cho các ngành liên quan xem xét diện tích đất thực tế đã thu hồi. Các ngành có liên quan của UBND huyện đã mời Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường đơn vị đo đạc cùng kiểm tra hiện trạng số liệu đo đạc phức tra diện tích đất của hộ bà A, sau đó Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường có 2 văn bản trả lời (số 05/CV-TTKT-TNMT ngày 23/01/2007, Văn bản số 29/CV-TTKT-TNMT ngày 25/8/2008). Như vậy, cơ quan chuyên môn có chức năng đo đạc đã cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu này. Thực tế, khi thu hồi toàn bộ đất GPMB chỉ là đất vườn nhưng gia đình đề nghị được bồi thường 400m² đất ở nên đã được chấp nhận. Phần còn lại của thửa đất gia đình tiếp tục sử dụng, đã được công nhận đất ở vượt 5 lần hạn mức đất ở. Sau khi mở đường, gia đình đã có đất tiếp giáp đường HCM và còn sử dụng đường đi cũ, rất thuận lợi. Bản án sơ thẩm kết luận hộ gia đình bị kiểm kê thiếu đất và chấp nhận yêu cầu của bà A được bồi thường toàn bộ diện tích đất đã thu hồi với giá đất ở, là không có cơ sở, không phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2001 của hộ gia đình và không đúng với quy định của Luật đất đai.

- Các nội dung khiếu nại khác (xác định giá đất, áp giá bồi thường, vị trí, phân loại đất,..) đều đã được Chủ tịch UBND huyện, Chủ tịch UBND tỉnh thẩm tra xác minh, trả lời tại các quyết định giải quyết khiếu nại, đúng quy định của pháp luật.

Dự án đường HCM là dự án trọng điểm quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, UBND tỉnh chịu trách nhiệm, được tiến hành đối với nhiều hộ gia đình không riêng gì hộ gia đình bà A. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A, chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh H, sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

Chủ tịch UBND huyện Z thống nhất với quan điểm trình bày của các luật sư bảo vệ quyền lợi cho Chủ tịch UBND tỉnh H. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A và chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh H, sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A, buộc UBND tỉnh H phê duyệt bồi thường bổ sung các tài sản còn thiếu cho hộ bà A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 08/6/2009, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 1026/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A. Ngày 09/07/2009, bà Nguyễn Thị A đã có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1026/QĐ-UBND. Trong quá trình giải quyết vụ án bà A có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị xem xét các quyết định hành chính về quản lý đất đai liên quan đến Quyết định số 1026/QĐ-UBND; yêu cầu Hủy biên bản kiểm đếm, đất đai tài sản hộ bà Nguyễn Thị A ngày 10/12/2002 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Z. Đây là các khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý, giải quyết là còn trong thời hiệu, đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và Luật đất đai. Ngày 30/11/2021, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 2816/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung tại Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H. Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 2816/QĐ-UBND.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án bà A có yêu cầu bổ sung hủy các quyết định có liên quan đến Quyết định số 1026/QĐ-UBND; trong đó có các quyết định của UBND tỉnh H và UBND huyện Lạc Thủy; lẽ ra UBND tỉnh và UBND huyện phải là người bị kiện. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định đúng tư cách của người bị kiện. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính hợp pháp của các quyết định liên quan của UBND tỉnh và UBND huyện theo đúng quy định; Chủ tịch UBND tỉnh H và Chủ tịch UBND huyện Z cũng đồng thời là người đại diện theo pháp luật của UBND tỉnh và của UBND huyện và đã tham gia với tư cách người bị kiện, đã trình bày về

các quyết định hành chính bị khiếu kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[1.3]. Yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của các cá nhân (lãnh đạo, cán bộ của tỉnh, huyện, xã khi thực hiện nhiệm vụ bồi thường thu hồi đất, giải quyết khiếu nại, tiếp công dân, tiếp nhận đơn khiếu nại của bà A) là mang tính chất tố cáo, không phải là hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện bằng vụ án hành chính, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết, là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà A về nội dung này.

[1.4]. Bà Nguyễn Thị A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bồi thường thiệt hại 16 năm đi kiện: Tại cấp sơ thẩm bà không đưa ra yêu cầu này nên sơ thẩm không đề cập; do vậy, theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 203 và Điều 220 Luật tố tụng hành chính, cấp phúc thẩm không có thẩm quyền giải quyết.

[2]. Xét tính hợp pháp của quyết định bị khiếu kiện về nội dung là Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/06/2009 và các quyết định có liên quan là Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 18/06/2004; Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 31/12/2005; Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 01/11/2006; Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 05/4/2005; Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 07/8/2006; Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 25/9/2007; Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 10/10/2005; Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 27/3/2007; Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 12/12/2006 và Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 11/9/2009.

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành: UBND tỉnh H, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 18/06/2004; Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 12/12/2006 và Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 là đúng quy định của Luật đất đai; UBND huyện Z ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 31/12/2005 và Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 01/11/2006 về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà A là đúng quy định của Luật Đất đai; Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và quy định của UBND tỉnh H. Chủ tịch UBND huyện Z ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại: Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 05/4/2005; Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 07/8/2006 và Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 25/9/2007 là đúng thẩm quyền quy định theo Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 được sửa đổi bổ sung năm 2004, năm 2005. Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại: Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 10/10/2005; Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 27/3/2007 và Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/06/2009 là đúng thẩm quyền quy định theo Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 được sửa đổi bổ sung năm 2004, năm 2005.

[2.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Dự án mở đường Hồ Chí Minh đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 18/TTg ngày 03/02/2000, giai đoạn 1 có tiến độ từ năm 2000 đến 2003. Thời điểm UBND tỉnh H thực hiện thu hồi đất và phê duyệt dự toán bồi thường, Nghị định số 22/NĐ-CP ngày 24/4/1998 quy định về bồi thường đất, tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất vì lợi ích công cộng có hiệu lực thi hành; UBND tỉnh H, UBND huyện Z đã thực hiện trình tự thủ tục thu hồi, bồi thường cho các hộ dân theo quy định tại các văn bản trên và quy định của Luật đất đai 1993. UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 18/6/2004 phê duyệt phương án bồi thường đối với các hộ gia đình, trong đó có hộ bà A, sau đó UBND huyện Z ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 31/12/2005 (Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 01/11/2006 thay thế) về việc thu hồi đất đất của hộ gia đình bà A.

UBND tỉnh H đã ban hành 2 Quyết định phê duyệt bổ sung bồi thường cho các hộ gia đình, trong đó hộ gia đình bà A tại Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 12/12/2006 và Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 là đúng quy định của Luật đất đai.

Sau khi UBND huyện Z ban hành các quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ đất đối với hộ gia đình bà A, bà A không nhất trí nên khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện Z đã ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại: Quyết định số 119/QĐ-UBND; Quyết định số 218/QĐ-UBND và Quyết định số 488/QĐ-UBND, là đúng trình tự, thủ tục theo Luật khiếu nại, tố cáo. Bà A không nhất trí các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Z nên tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh H; Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại: Quyết định số 2010/QĐ-UBND; Quyết định số 641/QĐ-UBND và Quyết định số 1026/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục theo Luật khiếu nại, tố cáo.

[2.3]. Về nội dung của các quyết định khiếu kiện:

[2.3.1]. Về Biên bản kiểm đếm, đất đai tài sản hộ bà Nguyễn Thị A ngày 10/12/2002 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Z; Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 18/06/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh H và Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 12/12/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc phê duyệt bổ sung dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

Triển khai thực hiện Quyết định 18/TTg, UBND tỉnh H đã thành lập Hội đồng GPMB huyện Z và chỉ đạo tiến hành đo đạc lập bản đồ GPMB. Hội đồng GPMB huyện Z đã ký hợp đồng với Trung tâm kỹ thuật tỉnh H đo vẽ xác định phạm vi thu hồi và ranh giới thu hồi đất, lập bản đồ GPMB chi tiết, diện tích đất bị ảnh hưởng của các hộ gia đình, lập biên bản kiểm kê tổng hợp tài sản của các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án (trong đó có hộ bà A) và trình UBND tỉnh.

Về thành phần hồ sơ bồi thường: Sau khi có kết quả đo đạc kiểm kê tài sản, Hội đồng GPMB huyện đã lập Biên bản kiểm kê tổng hợp ngày 10/12/2002 (có chữ ký của bà A đại diện hộ gia đình), thể hiện diện tích đất thu hồi và tài sản có trên đất. Căn cứ biên bản này, Hội đồng GPMB huyện đã lập dự thảo phương án bồi thường đất, tài sản, và đã có điều chỉnh dự thảo bồi thường theo khiếu nại và đề nghị của hộ gia đình (BL 312) và các tài liệu bà A xuất trình về các phương án, theo đó ban đầu chỉ được bồi thường toàn bộ 1.008,1m² giá đất nông nghiệp (4.700đồng/m²) nhưng gia đình đề nghị được bồi thường 400m² theo giá đất thổ cư (70.000 đồng/m²) đã được chấp nhận. Tại Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 12/12/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh H, 608,1m² còn lại được phê duyệt bổ sung thêm chênh lệch 30% giá đất vườn và thổ cư. Như vậy, quyền lợi của hộ gia đình bà A về bồi thường, hỗ trợ loại đất thực tế đã thu hồi, đã được bảo đảm. Bà A yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi với giá đất ở, là không có căn cứ.

Ngày 18/6/2004, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1091/QĐ-UBND phê duyệt dự toán đền bù GPMB thuộc xã Y đối với 23 hộ dân (trong đó có hộ bà A được bồi thường đối với 1.008,1m² đất thu hồi và được bồi thường về tài sản hoa màu trên đất).

Quá trình khiếu nại, bà A cho rằng Biên bản kiểm kê tổng hợp 10/12/2002 hồ sơ bị giả mạo chữ ký nhưng tại Biên bản làm việc ngày 20/9/2006, bà thừa nhận có ký 1 bản tại hồ sơ (nhưng cho rằng là bản để trống). Hồ sơ đền bù hiện lưu giữ tại Hội đồng GPMB có 01 bản gốc Biên bản kiểm kê tổng hợp ngày 10/12/2002 có chữ ký của bà A. Quá trình xác minh giải quyết khiếu nại đã làm rõ cán bộ chỉ yêu cầu bà A ký 1 bản Biên bản kiểm kê tổng hợp, sau đó photo thành 6 bản, chứ không yêu cầu ký đủ 7 biên bản kiểm kê tổng hợp nội dung giống nhau. Hồ sơ kiểm đếm tài sản, đất đai của hộ bà A còn có các phương án bồi thường nhưng không có chữ ký của hộ gia đình, hồ sơ không có chứng từ gì thể hiện gia đình đã nhận tiền bồi thường. Qua kiểm tra, Chủ tịch UBND huyện đã xác định quy trình kiểm đếm chưa bảo đảm do thiếu phối hợp với chủ hộ nên đã tổ chức nhiều buổi làm việc với hộ gia đình tại hiện trạng đất trước khi GPMB (biên bản ngày 18/01/2005, 19/4/2005 và 20/4/2005) và đều đã có kết luận việc kiểm đếm thiếu tài sản trên đất của hộ gia đình, bà A nhất trí diện tích đất thu hồi là 1.008,1m². Tại biên bản 18/01/2004 bà nhất trí diện tích đất thu hồi là 1.008,1m² đồng ý bàn giao mặt bằng thi công; biên bản ngày 19/4/2005 và 20/4/2005, bà A đã nhất trí với kết quả kiểm tra lại nhưng sau đó, bà A không nhất trí.

Đầu tháng 5/2005, chính quyền địa phương đã tiến hành cưỡng chế GPMB giao đất cho BQLDA san lấp thi công đường.

Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 22/NĐ-CP năm 1998 quy định: “Trường hợp cần thiết phải sớm GPMB để thực hiện dự án thì có thể thành lập hội đồng đền bù trước khi có Quyết định thu hồi đất”. Thực tế, thi công đường HCM bảo đảm tiến độ giai đoạn 1 nêu tại Quyết định số 18/QĐ-TTg và đến cuối năm 2004 Quốc hội mới chính thức có quyết định phê duyệt dự án đường HCM, nên UBND ban hành các quyết định thu hồi cụ thể đối với tất cả các hộ dân chứ

không riêng hộ bà A đối với diện tích đất đã đo đạc, đã lập biên bản thu hồi đất và đã phê duyệt phương án bồi thường để hoàn thiện hồ sơ. Do đó, Quyết định phê duyệt số 1091/QĐ-UBND ngày 18/6/2004 tuy ban hành trước Quyết định thu hồi đất số 150/QĐ-UBND ngày 31/12/2005 đối với hộ gia đình bà A, nhưng không trái với quy định nêu trên.

Như vậy, tuy có sai sót khi thực hiện quy trình thực hiện kiểm đếm do thiếu phối hợp với chủ hộ, hồ sơ kiểm đếm chưa bảo đảm đúng quy định, nhưng sau đó đã được UBND phối hợp với hộ gia đình kiểm tra khắc phục, bà A đã xác nhận định rõ cụ thể thiếu tài sản gì trước khi tiến hành giải phóng mặt bằng giao đất cho đơn vị thi công san lấp làm đường (tháng 5/2005). Như vậy, là đã đủ chứng cứ tài liệu để xác định diện tích đất và tài sản có trên đất để làm căn cứ xem xét các khiếu nại của hộ gia đình. Do đó, không có cơ sở chấp nhận các yêu cầu huỷ Biên bản kiểm đếm, đất đai tài sản hộ bà A ngày 10/12/2002 của Hội đồng GPMB huyện Z; Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 18/06/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh H và Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 12/12/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc phê duyệt bổ sung dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

[2.3.2]. Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 119/QĐ-UBND ngày 05/4/2005 của Chủ tịch UBND huyện Z và Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc phê duyệt bổ sung dự toán bồi thường cho các hộ bị ảnh hưởng GPMB, đoạn qua Lạc Thủy: Bà A khiếu nại cho rằng giá cây na tính theo giá cũ là 5000đ x hệ số 3 = 15.000đ; giá cây dâu tính giá hạng cây công nghiệp; diện tích đất thu hồi được bồi thường theo giá mới; bồi thường tường bao theo mét vuông; diện tích đất thu hồi được nhân với hệ số k; tất cả các loại đất đều phải tính theo khung giá của tỉnh tại Quyết định số 21/2003/QĐ-UBND ngày 30/7/2003 của UBND tỉnh H; tài sản, cây cối kiểm đếm còn thiếu, xét thấy:

Thời điểm kiểm kê, thu hồi đất thì giá cây na, cây dâu phải tính theo đơn giá tại Quyết định số 44/QĐ-UB ngày 29/12/2003; nên đã không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà A. Tuy nhiên, trong quá trình bồi thường tại Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 11/9/2009, Chủ tịch UBND tỉnh H đã phê duyệt bổ sung đơn giá chênh lệch cây trồng na cho thu hoạch trên đất thêm 7000đ/m², với tổng số tiền 3.204.000 đồng cho hộ bà A; như vậy quyền lợi của hộ bà A đã được bảo đảm.

Đối với khiếu nại đề nghị làm rõ việc ký hóa đơn nhận tiền vì gia đình không ký lần nào vào hóa đơn nhận tiền: Hội đồng GPMB đã nhiều lần thông báo cho hộ bà A đến nhận tiền đền bù, nhưng hộ bà A không đến nên việc ký hóa đơn là không có; vì vậy, khiếu nại của bà A không có cơ sở. Yêu cầu diện tích đất thu hồi được bồi thường theo giá mới: thời điểm kiểm kê, phê duyệt dự toán đền bù giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà A thực hiện theo Quyết

định số 212/QĐ-UBND của UBND huyện Z quy định về vị trí đất, hạng đất, loại đất, giá đất. Bà A yêu cầu áp dụng theo Quyết định số 43/QĐ-UB ngày 20/12/2004 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2005) là không có cơ sở. Theo quy định tại Quyết định số 44/QĐ-UB ngày 29/12/2003 của UBND tỉnh H thì các loại tường xây đều tính theo mét khối, nên không chấp nhận khiếu nại của bà A tính bồi thường tường bao theo mét vuông. Tại Công văn số 1434/UB-CN ngày 10/9/2004 của UBND tỉnh H quy định áp dụng hệ số k để tích giá đền bù GPMB chỉ có đất vườn, đất nông nghiệp và đất trồng cây hàng năm; vì vậy, không chấp nhận khiếu nại đề nghị diện tích đất thu hồi được nhân với hệ số k. Hội đồng GPMB huyện đã áp giá đền bù diện tích đất bị thu hồi của hộ bà A theo Quyết định số 212/2003/QĐ-UBND của UBND huyện Z là có căn cứ vì: Theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 21/2003/QĐ-UBND: Ban hành theo quyết định này bảng giá đất và phân loại đường phố các vị trí đường phố ở các phường thuộc thị xã H và đường phố của các thị trấn trong toàn tỉnh. Theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 21/2003/QĐ-UBND: Ủy quyền cho Chủ tịch UBND các huyện xác định vị trí các loại đường phố của các loại đường phố còn lại trên địa bàn huyện. Việc bà A đề nghị phải thực hiện giá đất bồi thường theo Quyết định số 21/2003/QĐ-UBND là đúng, nhưng phải căn cứ vào đất được phân loại theo Quyết định số 212/2003/QĐ-UBND.

Đối với khiếu nại về tài sản, cây cối kiểm đếm còn thiếu, tại Biên bản ngày 18/01/2005 của Hội đồng GPMB xác định việc kiểm đếm còn thiếu 55m ống nước, 16 cây đu đủ, 01 cây bưởi. Do đó, tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 119/QĐ-UBND đã công nhận nội dung khiếu nại việc kiểm đếm còn thiếu 55m ống nước, 16 cây đu đủ, 01 cây bưởi; đề nghị tỉnh duyệt bổ sung dự toán đền bù cho bà A; đồng thời bác các khiếu nại của bà A là đúng. Tòa án cấp sơ thẩm hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 119/QĐ-UBND ngày 05/4/2005 của Chủ tịch UBND huyện Z và Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H là không có cơ sở.

[2.3.3]. Quyết định giải quyết khiếu nại số 2010/QĐ-UBND ngày 10/10/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh H: Sau khi Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 119/QĐ-UBND, bà A không nhất trí, nên tiếp tục khiếu nại. Chủ tịch UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2010/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 119/QĐ-UBND. Theo như phân tích tại mục [2.3.2] thì Quyết định số 119/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại có căn cứ; nên Quyết định số 2010/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 119/QĐ-UBND là đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của UBND tỉnh H; không chấp nhận yêu cầu của bà A hủy Quyết định số 2010/QĐ-UBND.

[2.3.4]. Quyết định giải quyết khiếu nại số 218/QĐ-UBND ngày 07/8/2006 của Chủ tịch UBND huyện Lạc Thủy: Bà A khiếu nại đề nghị làm rõ chữ ký giả danh của bà A đưa vào phương án đền bù sai, ép dân nhận tiền; Hội đồng GPMB thu hồi đất không lập biên bản, xóa hiện trường; còn thiếu 100m² đất không đưa vào phương án đền bù. Xét thấy: Tại Quyết định số 218/QĐ-UBND đã không chấp nhận khiếu nại của bà A về chữ ký giả danh và chữ ký sống trong biên bản kiểm kê tổng hợp là có căn cứ vì tất cả các bản phương án đền bù của hộ bà A, phần giành cho chủ hộ bị ảnh hưởng ký và ghi rõ họ tên đều chưa có chữ ký và bỏ trống. Đối với khiếu nại còn thiếu 100m² tại Quyết định số 218/QĐ-UBND đã quyết định có cơ sở xem xét và giao cho Hội đồng GPMB huyện có trách nhiệm liên hệ với Trung tâm Kỹ thuật địa chính tỉnh, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND xã Y xác minh lại diện tích đất bị thu hồi. Đối với yêu cầu này đã được Chủ tịch UBND tỉnh H giải quyết tại Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 25/9/2007. Do đó, không có căn cứ chấp nhận hủy Quyết định số 218/QĐ-UBND.

[2.3.5]. Quyết định giải quyết khiếu nại số 641/QĐ-UBND ngày 27/3/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh H: Bà A khiếu nại không nhất trí nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 218/QĐ-UBND về đề nghị làm rõ chữ ký giả danh của bà A đưa vào phương án đền bù sai, ép dân nhận tiền. Theo như phân tích tại mục [2.3.4] không có căn cứ chấp nhận khiếu nại của bà A. Vì vậy, tại Quyết định số 641/QĐ-UBND đã không thừa nhận khiếu nại của bà A là đúng. Toà án cấp sơ thẩm hủy Quyết định số 641/QĐ-UBND là không có cơ sở.

[2.3.6]. Quyết định giải quyết khiếu nại số 488/QĐ-UBND ngày 25/9/2007 của Chủ tịch UBND huyện Lạc Thủy: Bà A khiếu nại đất ở của gia đình bà bị ảnh hưởng bởi dự án đường HCM đo đạc kiểm đếm còn thiếu. Đề nghị xác định vị trí, phân loại đường phố đối với đất của gia đình bà đúng quy định. Đề nghị hủy hồ sơ phương án đền bù lập sai, chữ ký phôi tô giả mạo; tài sản, đất đai hoa màu, vị trí đều sai thực tế. Tài sản, hoa màu của gia đình bị thiệt hại, ngập úng do ảnh hưởng xây dựng đường Hồ Chí Minh và lắp cống đường XXA gây thiệt hại. Xét thấy:

Ngày 18/01/2005, Hội đồng GPMB huyện đã mời Trung tâm địa chính tỉnh H, cùng các ngành chức năng của huyện, xã đã đến phúc tra lại diện tích đất bị ảnh hưởng và cắm mốc xác định vị trí. Bà A và ông A1 hoàn toàn nhất trí và cùng ký biên bản thống nhất diện tích đất của gia đình bị ảnh hưởng Dự án là 1.008,1m². Tại Công văn số 05/CV/TTKT-TNMT ngày 23/01/2007 của Trung tâm kỹ thuật Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H có nội dung: Ngày 04/12/2006, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Z và xã Y đến đo đạc xác minh lại diện tích hộ bà A bằng biện pháp nghiệp vụ đã khôi phục lại được điểm góc phía Đông thửa đất gia

đình bà A, từ đó kiểm tra lại kích thước các cạnh tiếp giáp hộ ông Quách Văn Sinh. Số liệu thực tế hoàn toàn trùng khớp với bản đồ đo vẽ năm 2003 và kết luận diện tích hộ bà A hoàn toàn đúng với số liệu đã đo vẽ, kê khai trước đây và được kiểm tra xác minh ngày 18/01/2005. Do đó, Quyết định số 488/QĐ-UBND đã không chấp nhận khiếu nại của bà A cho rằng đất ở bị kiểm đếm thiếu là có căn cứ.

Đối với khiếu nại đề nghị xác định vị trí, phân loại đường phố đối với đất của gia đình bà A: Thực hiện Quyết định số 21/2003/QĐ-UBND ngày 30/7/2003 của UBND tỉnh H về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn tỉnh H và Quyết định số 212/2003/QĐ-UBND ngày 08/7/2003 của UBND huyện Z về việc phân loại đường, vị trí đất ở áp dụng giá đất đối với các xã trong huyện thì xã Y có 03 loại đất: Đất ở liền kề Quốc lộ XX; đất ở liền kề đường liên xã và đất ở phải giải tỏa xây dựng đường Hồ Chí Minh. Ngày 24/4/2007, đoàn Thanh tra đã kiểm tra thực tế vị trí đất ở hộ bà A không có đường liên xã. Khoảng cách từ tìm đường XXA vào mép đất của bà A điểm thứ nhất (phía Nam theo đường XXA) là 38,2m; điểm thứ hai (theo đường đi vào nhà) là 42,6m. Khoảng cách giữa đất hộ bà A là đất nông nghiệp của Hợp tác xã X thuộc xã Y. Căn cứ vào Văn bản số 353/CV ngày 18/7/1995 của Sở Giao thông vận tải tỉnh H thì đường Quốc lộ XX chạy qua tỉnh H thuộc đường cấp IV. Theo Nghị định số 186/NĐ-CP ngày 05/11/2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thì hành lang an toàn đối với đường cấp IV, V là 10m tính từ chân đường ra hai bên. Đoạn đường QL XX khu vực nhà bà A có hành lang an toàn giao thông là 15m (tính từ tìm đường). Như vậy, đất liền kề QL XX là đất nông nghiệp của hợp tác xã, đất ở của hộ bà A không thuộc đất liền kề. Hội đồng GPMB đường HCM huyện phân vị trí đất của hộ bà A vào loại đất “đất ở phải giải tỏa xây dựng đường Hồ Chí Minh” là đúng.

Về đề nghị hủy hồ sơ phương án đền bù lập sai, chữ ký phô tô giả mạo; tài sản, đất đai hoa màu, vị trí đều sai thực tế: Ngày 20/4/2005, Hội đồng GPMB huyện cùng cán bộ địa chính xã Y đến tại gia đình bà A để xác định lại diện tích đất và cây cối, tài sản còn thiếu. Tại buổi làm việc hộ bà A vẫn thống nhất diện tích bị thu hồi là 1.008,1m² và số lượng tài sản còn thiếu để bổ sung đưa vào phương án đền bù, cụ thể: Hồ trợ di chuyển 55m đường ống nước; 02 cây bách tán; 10m² dừa thường; 16 cây đu đủ và bưởi lai 02 cây = 4,52m². Như vậy, việc kiểm đếm đất đai và bổ sung tài sản, hoa màu của Hội đồng GPMB đối với hộ bà A là đầy đủ, công khai và dân chủ. Tuy vậy, hộ bà A vẫn không ký vào phương án đền bù lập năm 2003 và phương án đền bù bổ sung lập ngày 12/10/2005; Hội đồng GPMB đã nhiều lần đề nghị hộ bà A ký để trình phê duyệt, nhưng hộ bà A vẫn không ký. Do đó, việc bà A đề nghị hủy hồ sơ phương án đền bù là không có cơ sở.

Quyết định số 488/QĐ-UBND đã xem xét việc hoa màu của hộ bà A bị thiệt hại, ngập úng do ảnh hưởng xây dựng thi công đường. Thiệt hại này không phải do quyết định thu hồi đất gây nên. Do đó, ngày 24/8/2006 UBND huyện đã có Công văn số 614/CV-UBND gửi Ban quản lý dự án về việc đề nghị Ban quản lý xem xét giải quyết một số tồn tại do ảnh hưởng thi công dự án đường Hồ Chí Minh, trong đó đã đề nghị xem xét cho hộ bà A. Tòa án cấp sơ thẩm hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 488/QĐ-UBND là không đúng.

[2.3.7]. Quyết định giải quyết khiếu nại số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H và Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc điều chỉnh, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung tại Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H; Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 31/12/2005 và Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 01/11/2006 của UBND huyện Zban hành về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà A. Xét thấy: Đối với khiếu nại của bà A cho rằng đề nghị được công nhận đường (ngõ) đi từ QL XX vào thửa đất hộ gia đình bà đang sử dụng là quyền sử dụng riêng. Tại Quyết định số 1026/QĐ-UBND đã không thừa nhận nội dung khiếu nại này của bà A; tại Quyết định số 2816/QĐ-UBND đã hủy nội dung khiếu nại đề nghị được công nhận đường đi (ngõ) từ QL XX vào thửa đất hộ bà A đang sử dụng là quyền sử dụng riêng; lý do của việc hủy bỏ là căn cứ quy định của Luật khiếu nại nội dung nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND huyện Z là đúng quy định của pháp luật.

Đối với khiếu nại của hộ bà A về diện tích đất bị thu hồi còn thiếu so với diện tích thực tế mà hộ bà A đang sử dụng: Về nguồn gốc đất của vợ chồng bà A sử dụng do khai hoang từ năm 1979; năm 2001, ông Vũ Thiết A1 được cấp GCNQSD đất diện tích 4.177m² (gồm 400m² đất ở và 3.777m² đất vườn). Kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng phục vụ GPMB đường Hồ Chí Minh, thực tế gia đình bà A sử dụng thửa số 38 tổng diện tích 5.269,9m² trong đó diện tích GPMB là 1.008,1m²; như vậy, hiện trạng sử dụng tăng 1.092,9m² so với GCNQSD đất đã cấp năm 2001. Bà A đã khiếu nại cho rằng tính thiếu diện tích. Ngày 18/01/2005, Đoàn kiểm tra huyện Z đã phối hợp cùng trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường đã lập biên bản và hộ gia đình bà A đã ký xác nhận đúng vị trí trên bản đồ đo đạc. Ngày 20/4/2005, tại gia đình bà A, bà A và đoàn cán bộ UBND huyện và UBND xã tiến hành kiểm tra ngoài thực địa đối chiếu bản đồ quy hoạch đường HCM và thống nhất xác định diện tích 1.008,1m² là đúng và gia đình nhất trí (biên bản cũng ghi nhận tài sản trên đất thu hồi và ý kiến của gia đình về phương án bồi thường); bà A đồng ý bàn giao mặt bằng để đơn vị thi công; sau đó đất đã được thu hồi và giao cho đơn vị thi công san lấp làm đường cùng với đất của các hộ dân khác trong khu vực, thì bà A tiếp tục khiếu nại không thừa nhận biên bản ngày 18/01/2005 cho rằng bị lừa ký. Căn cứ đề nghị

của UBND huyện Z, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường UBND tỉnh H đã trả lời khẳng định việc đo đạc tính toán diện tích đất thu hồi 1.008,1m² là chính xác. Sau đó, do bà A vẫn yêu cầu xác định lại nên ngày 31/3/2008, UBND tỉnh và huyện phối hợp ban ngành cùng bà A xác định vị trí đất của bà bị thu hồi trên bản đồ và thực tế nhưng do đất đã san lấp và vị trí bà A xác định tuy so với diện tích 1.008,1m² thiếu 33,5m² nhưng vị trí bà A xác định lại không được hồ liên kê là ông Sinh chấp nhận. Do đó, không đủ căn cứ xác định UBND đã xác định thiếu đất thu hồi của hộ bà A.

Mặt khác, quá trình sử dụng đất bà A đã tách thửa cho các con là Vũ Ngọc Anh hiện đang sử dụng diện tích 1.241m² đất ở, thuộc thửa số 313 (diện tích theo GCNQSD đất là 1.232m² đất ở); con Vũ Trường An hiện đang sử dụng diện tích 492.5m² đất ở, thuộc thửa số 319 (diện tích theo GCNQSD đất là 506m² đất ở) còn bà A hiện đang sử dụng diện tích 2.731,5m² đất ở, thuộc thửa số 37 và bà A đang làm thủ tục đề cấp đổi GCNQSD đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện xác nhận bà A đề nghị xác định toàn bộ đất ở, nhưng so với GCNQSD đất cấp năm 2001 (hộ bà A được cấp diện tích 4.177m² gồm 400m² đất ở và 3.777m² đất vườn), thì hiện nay bà A và các con đã được công nhận tăng cả về tổng diện tích cũng như diện tích đất ở, như vậy hộ gia đình bà A hoàn toàn không thiếu đất.

Do đó, tại Quyết định số 1026/QĐ-UBND không thừa nhận yêu cầu khiếu nại diện tích đất của bà A bị thu hồi còn thiếu so với diện tích thực tế mà hộ bà A đang sử dụng là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm hủy Quyết định số 1026/QĐ-UBND; Quyết định số 150/QĐ-UBND và Quyết định số 127/QĐ-UBND là không đúng quy định của pháp luật.

Theo như phân tích tại mục [2.3.6] thì yêu cầu đề nghị xác định vị trí, phân loại đường phố đối với đất của gia đình bà A và đề nghị hủy hồ sơ phương án đền bù lập sai, chữ ký phô tô giả mạo; tài sản, đất đai hoa màu, vị trí đều sai thực tế là không có căn cứ chấp nhận. Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh H đã không xem xét nội dung khiếu nại đề nghị hủy hồ sơ phương án đền bù lập sai, chữ ký phô tô giả mạo; tài sản, đất đai hoa màu, vị trí đều sai thực tế với lý do đã được giải quyết tại Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 27/3/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh H là đúng.

[3]. Với các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận nội dung yêu cầu của người khởi kiện và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh H và các quyết định liên quan (Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 18/6/2004, Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 10/10/2005, Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 27/3/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh H; các Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 05/4/2005, Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày

07/8/2006 và Quyết định số 488/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Z; Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 12/12/2006 và Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 11/9/2009; Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 31/12/2005 và Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 01/11/2006), hủy Biên bản kiểm đếm, đất đai tài sản hộ gia đình bà A ngày 10/12/2002, là không có căn cứ.

Tuy nhiên, Quyết định giải quyết khiếu nại số 2010/QĐ-UBND ngày 10/10/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh H, Quyết định giải quyết khiếu nại số 488/QĐ-UBND ngày 25/9/2007 của Chủ tịch UBND huyện Z, đều xác định cần bổ sung bồi thường một số tài sản trên đất cho hộ gia đình, nhưng vẫn chưa ban hành quyết định bổ sung mà tại phiên toà phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh H chỉ đưa ra số liệu chi tiết dự kiến bồi thường (hỗ trợ di chuyển đường ống tưới nước; cây dứa; cây đu đủ; cây bưởi lai và cây bách tán với tổng số tiền là 3.686.620 đồng, tính theo bảng giá tại Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND tỉnh H). Do vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc cần buộc người bị kiện thi hành nhiệm vụ công vụ, bồi thường bổ sung cho hộ gia đình, là có cơ sở chấp nhận.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4]. Kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị A đủ điều kiện được miễn án phí hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A. Chấp nhận một phần kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H. Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính:

Căn cứ Điều 13, Điều 14, khoản 1 Điều 38, Điều 87 Luật đất đai số 13/2003 và khoản 4 Điều 41, Điều 130 Nghị định 141/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A yêu cầu hủy Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H (được

sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 30/11/2021) và các Quyết định hành chính có liên quan là:

- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh H: Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 10/10/2005; Quyết định 641/QĐ-UBND ngày 27/3/2007;

- Các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh H phần có liên quan đến hộ bà Nguyễn Thị A: Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 18/06/2004; Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 12/12/2006; Quyết định 1785/QĐ-UBND ngày 11/9/2009;

- Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Z: Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 31/12/2005; Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 01/11/2006 (thay thế Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 31/12/2005) phần liên quan đến hộ gia đình bà A;

- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z: Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 05/4/2005; Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 07/8/2006; Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 25/9/2007;

- Biên bản kiểm đếm, đất đai tài sản hộ bà Nguyễn Thị A ngày 10/12/2002 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Z.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A, buộc Ủy ban nhân dân tỉnh H thực hiện nhiệm vụ, công vụ phê duyệt phương án bồi thường bổ sung tài sản trên đất (đã được ghi nhận tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 2010/QĐ-UBND ngày 10/10/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 488/QĐ-UBND ngày 25/9/2007 của Chủ tịch UBND huyện Z) cho hộ bà Nguyễn Thị A.

3. Miễn án phí hành chính cho người khởi kiện. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A 300.000 đồng tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 05141 ngày 15/6/2017; Hoàn trả cho bà A 300.000 đồng tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0000501 ngày 16/5/2018 và 300.000 đồng tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0005798 ngày 27/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

Người bị kiện phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0005797 ngày 25/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 09/12/2021.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh H;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương

